TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Huyền T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 64 đường H, tổ dân phố 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Minh H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 64 đường H, tổ dân phố 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện ngày 22-6-2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị Huyền T trình bày*:

Bà và ông Nguyễn Hữu Minh H tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 26-12-2002. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không thành, làm cho cuộc sống luôn căng thẳng. Hiện tại không ai còn quan tâm,

chăm sóc cho ai, phần người nào chỉ biết bổn phận người đó, đời sống chung không thể hòa hợp. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Minh H.

Bà và ông Nguyễn Hữu Minh H có hai con chung là cháu Nguyễn Phan Hương Q, sinh ngày 13-01-2004 và cháu Nguyễn Phan Minh H1, sinh ngày 27-10-2006. Hiện hai con chung đang ở với bà nên khi ly hôn, nguyện vọng của bà là được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung.

Bà không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Minh H phải cấp dưỡng cho con.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Tại bản tự khai ngày 29-6-2020 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 13-8-2020, bị đơn là ông Nguyễn Hữu Minh H trình bày:

Ông và bà Phan Thị Huyền T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến ngày 26-12-2002 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Phan Thị Huyền T hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không hiểu, không thống nhất được một số vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, dẫn đến việc cả hai sống ly thân với nhau. Nay bà Phan Thị Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông đồng ý.

Ông và bà Phan Thị Huyền T có hai con chung là cháu Nguyễn Phan Hương Q, sinh ngày 13-01-2004 và cháu Nguyễn Phan Minh H1, sinh ngày 27-10-2006. Ly hôn, theo nguyện vọng của các con; ông đồng ý giao cả hai con chung cho bà Phan Thị Huyền T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Phan Thị Huyền T không yêu cầu nên ông không cấp dưỡng cho con theo đúng nguyện vọng của bà Phan Thị Huyền T.

Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Huyền T làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu Minh H và tranh chấp về nuôi con. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của bà Phan Thị Huyền T đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Ông Nguyễn Hữu Minh H cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Hữu Minh H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Phan Thị Huyền T và ông Nguyễn Hữu Minh H đăng ký kết hôn ngày 26-12-2002 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của bà Phan Thị Huyền T về việc ly hôn ông Nguyễn Hữu Minh H là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về con: Bà Phan Thị Huyền T và ông Nguyễn Hữu Minh H có hai con chung là cháu Nguyễn Phan Hương Q, sinh ngày 13-01-2004 và cháu Nguyễn Phan Minh H1, sinh ngày 27-10-2006.

Xét thấy, từ nhỏ cho đến nay hai cháu ở với bà Phan Thị Huyền T, được chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, bà Phan Thị Huyền T có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng các con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho các con và các cháu Nguyễn Phan Hương Q, Nguyễn Phan Minh H1 cũng có nguyện vọng được ở với bà Phan Thị Huyền T; nguyện vọng của bà Phan Thị Huyền T và các cháu là chính đáng, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Phan Hương Q và cháu Nguyễn Phan Minh H1 cho bà Phan Thị Huyền T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà Phan Thị Huyền T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu Minh H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Bà Phan Thị Huyền T và ông Nguyễn Hữu Minh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Phan Thị Huyền T là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Huyền T.

Bà Phan Thị Huyền T được ly hôn ông Nguyễn Hữu Minh H.

2. Giao cháu Nguyễn Phan Hương Q, sinh ngày 13-01-2004 và cháu Nguyễn Phan Minh H1, sinh ngày 27-10-2006 cho bà Phan Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005163 ngày 25-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Phan Thị Huyền T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị Huyền T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Hữu Minh H vắng mặt tại phiên toà, nên ông có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 370, quyển số 04 ngày 26-12-2002);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền